

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**CHÍNH PHỦ****Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021****quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành****Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư**

(Tiếp theo Công báo số 521 + 522)

Phụ lục IV**HƯỚNG DẪN NỘI DUNG VỀ****KHẢO SÁT SỰ QUAN TÂM CỦA NHÀ ĐẦU TƯ***(Kèm theo Nghị định số 35/2021/NĐ-CP**ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ)***Mẫu số 02****THÔNG BÁO KHẢO SÁT SỰ QUAN TÂM**

Thông báo được đăng tải bằng tiếng Anh và tiếng Việt trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, trang thông tin điện tử (nếu có) của bộ, cơ quan trung ương, cơ quan khác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Đối với dự án thuộc ngành nghề chưa được tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư, dự án cần bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh quốc gia theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 31 của Luật PPP, chỉ đăng tải thông báo mời khảo sát bằng tiếng Việt để thực hiện lựa chọn nhà đầu tư trong nước. Thông báo này áp dụng đối với dự án có yếu tố đặc biệt cần áp dụng giải pháp đổi mới sáng tạo nhằm rút ngắn tiến độ và hoàn thành xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng trong một khoảng thời gian nhất định, đạt mức tiết kiệm năng lượng cao, bảo vệ môi trường đối với dự án thuộc nhóm có nguy cơ tác động xấu đến môi trường mức độ cao theo pháp luật về bảo vệ môi trường.

Địa điểm, ngày tháng năm

Kính gửi: Các nhà đầu tư quan tâm.

[*Ghi tên Cơ quan có thẩm quyền*] mời các nhà đầu tư nộp hồ sơ quan tâm thực hiện dự án..... [*Ghi tên dự án*] với các thông tin như sau:

I. THÔNG TIN SƠ BỘ VỀ DỰ ÁN

1. Mục tiêu, quy mô dự án (dự kiến):
2. Địa điểm thực hiện dự án:
3. Thời gian thực hiện dự án:.....
4. Diện tích mặt đất, mặt nước sử dụng; nhu cầu sử dụng tài nguyên khác (nếu có):.....
5. Loại hợp đồng dự án (dự kiến):
6. Sơ bộ tổng mức đầu tư:.....
7. Sơ bộ phương án tài chính: cơ cấu nguồn vốn trong dự án, dự kiến khung giá, phí sản phẩm, dịch vụ công đối với dự án áp dụng cơ chế thu phí trực tiếp từ người sử dụng:.....
8. Các ưu đãi, bảo đảm đầu tư:
9. Cơ chế chia sẻ phần tăng doanh thu và giảm doanh thu (nếu có):
10. Tên đơn vị chuẩn bị dự án/tên nhà đầu tư đề xuất dự án (trường hợp dự án do nhà đầu tư đề xuất):.....
11. Yếu tố đặc biệt cần áp dụng giải pháp đổi mới sáng tạo nhằm rút ngắn tiến độ và hoàn thành xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng trong một khoảng thời gian nhất định, đạt mức tiết kiệm năng lượng cao, bảo vệ môi trường đối với dự án thuộc nhóm có nguy cơ tác động xấu đến môi trường mức độ cao pháp luật về bảo vệ môi trường
12. Nguyên tắc xác định hình thức lựa chọn nhà đầu tư như sau:
 - Đàm phán cạnh tranh trong trường hợp có không quá 03 nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu thực hiện dự án;
 - Trường hợp dự án có nhiều hơn 03 nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu thực hiện dự án thì thực hiện như sau:

+ Đấu thầu rộng rãi quốc tế có sơ tuyển trong trường hợp có từ 06 nhà đầu tư trở lên quan tâm trong đó có ít nhất 01 nhà đầu tư được thành lập theo pháp luật nước ngoài đăng ký quan tâm;

+ Đấu thầu rộng rãi trong nước có sơ tuyển trong trường hợp có từ 06 nhà đầu tư được thành lập theo pháp luật Việt Nam trở lên đăng ký quan tâm;

+ Đấu thầu rộng rãi quốc tế trong trường hợp có dưới 06 nhà đầu tư quan tâm; trong đó có ít nhất 01 nhà đầu tư được thành lập theo pháp luật nước ngoài đăng ký quan tâm;

+ Đấu thầu rộng rãi trong nước trong trường hợp có dưới 06 nhà đầu tư được thành lập theo pháp luật Việt Nam đăng ký quan tâm.

II. NỘI DUNG CẦN KHẢO SÁT Ý KIẾN NHÀ ĐẦU TƯ, BÊN CHO VAY

[Liệt kê các nội dung cần khảo sát ý kiến của nhà đầu tư, bên cho vay đối với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án, bao gồm:

1. Khảo sát về khả năng triển khai dự án tương tự (về lĩnh vực, quy mô...) của khu vực tư nhân.

2. Khảo sát về một số yêu cầu, tiêu chuẩn kỹ thuật thực hiện dự án.

3. Đánh giá của nhà đầu tư, bên cho vay về tính hấp dẫn, khả thi của dự án; mức lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu kỳ vọng của nhà đầu tư.

4. Các nội dung khác].

III. YÊU CẦU SƠ BỘ VỀ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM

TT	Nội dung	Yêu cầu
1	Năng lực tài chính ⁽¹⁾	Vốn chủ sở hữu tối thiểu nhà đầu tư phải thu xếp ⁽²⁾ :.... [ghi giá trị vốn chủ sở hữu tối thiểu của nhà đầu tư. Vốn chủ sở hữu tối thiểu là 15% tổng mức đầu tư dự án không bao gồm vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng và vốn nhà nước bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư, hỗ trợ xây dựng công trình tạm theo quy định tại khoản 1 Điều 77 Luật PPP]. Trường hợp liên danh, vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư liên danh bằng tổng vốn chủ sở hữu của các thành viên liên danh. Đồng thời, từng thành viên liên danh phải đáp ứng yêu cầu tương ứng

TT	Nội dung	Yêu cầu
		với phần vốn góp chủ sở hữu theo thỏa thuận liên danh. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh được đánh giá là không đáp ứng thì nhà đầu tư liên danh được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về vốn chủ sở hữu. Nhà đầu tư đứng đầu liên danh phải có tỷ lệ sở hữu vốn tối thiểu là 30%, từng thành viên liên danh có tỷ lệ sở hữu vốn tối thiểu là 15% trong liên danh.
2	Kinh nghiệm ⁽³⁾	Số lượng tối thiểu các dự án mà nhà đầu tư hoặc thành viên tham gia liên danh cùng thực hiện đã tham gia với vai trò là nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu hoặc nhà thầu chính:..... dự án [ghi số lượng theo yêu cầu]. Cách xác định dự án như sau ⁽⁴⁾: - Loại 1: Dự án trong lĩnh vực..... [ghi lĩnh vực tương tự với lĩnh vực của dự án đang xét] mà nhà đầu tư đã áp dụng các giải pháp đổi mới sáng tạo nhằm rút ngắn tiến độ và hoàn thành xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng trong một khoảng thời gian nhất định, đạt mức tiết kiệm năng lượng cao, bảo vệ môi trường đối với dự án thuộc nhóm có nguy cơ tác động xấu đến môi trường mức độ cao theo pháp luật về bảo vệ môi trường và tham gia với vai trò nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: + Dự án có tổng mức đầu tư tối thiểu bằng ⁽⁵⁾..... [ghi giá trị tương đương, thông thường trong khoảng 50% - 70% tổng mức đầu tư của dự án đang xét]. + Dự án mà nhà đầu tư có phần giá trị vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng ⁽⁶⁾..... [ghi giá trị tương đương, thông thường trong khoảng 50% - 70% yêu cầu về vốn chủ sở hữu của dự án đang xét]. + Dự án đã hoàn thành giai đoạn xây dựng trong..... năm gần đây [ghi số năm theo yêu cầu]. - Loại 2: Dự án trong lĩnh vực phát triển kết cấu hạ tầng, cung cấp dịch vụ công mà nhà đầu tư đã áp dụng các giải pháp đổi mới sáng tạo nhằm rút ngắn tiến độ và hoàn thành xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng trong một khoảng thời gian

TT	Nội dung	Yêu cầu
		nhất định, đạt mức tiết kiệm năng lượng cao, bảo vệ môi trường đối với dự án thuộc nhóm có nguy cơ tác động xấu đến môi trường mức độ cao theo pháp luật về bảo vệ môi trường và tham gia với vai trò góp vốn chủ sở hữu và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: + Dự án có tổng mức đầu tư tối thiểu bằng ⁽⁷⁾.....[ghi giá trị tương đương, thông thường trong khoảng 50% - 70% tổng mức đầu tư của dự án đang xét]. + Dự án mà nhà đầu tư có phần giá trị vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng ⁽⁸⁾..... [ghi giá trị tương đương, thông thường trong khoảng 50% - 70% yêu cầu về vốn chủ sở hữu của dự án đang xét]. + Dự án đã hoàn thành giai đoạn xây dựng trong..... năm gần đây [ghi số năm theo yêu cầu]. - Loại 3: Dự án trong lĩnh vực..... [ghi lĩnh vực tương tự với lĩnh vực của dự án đang xét] mà nhà đầu tư đã áp dụng các giải pháp đổi mới sáng tạo nhằm rút ngắn tiến độ và hoàn thành xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng trong một khoảng thời gian nhất định, đạt mức tiết kiệm năng lượng cao, bảo vệ môi trường đối với dự án thuộc nhóm có nguy cơ tác động xấu đến môi trường mức độ cao theo pháp luật về bảo vệ môi trường và tham gia với vai trò là nhà thầu chính và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: + Giá trị phần công việc nhà đầu tư tham gia trong gói thầu/hợp đồng tối thiểu bằng⁽⁹⁾..... [ghi giá trị tương đương, thông thường trong khoảng 30% - 70% giá trị công việc tương ứng của dự án đang xét]. + Gói thầu/Hợp đồng đã kết thúc trong..... năm gần đây [ghi số năm theo yêu cầu]. Loại 4: Dự án trong lĩnh vực phát triển kết cấu hạ tầng, cung cấp dịch vụ công mà nhà đầu tư đã áp dụng các giải pháp đổi mới sáng tạo nhằm rút ngắn tiến độ và hoàn thành xây dựng

TT	Nội dung	Yêu cầu
		công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng trong một khoảng thời gian nhất định, đạt mức tiết kiệm năng lượng cao, bảo vệ môi trường đối với dự án thuộc nhóm có nguy cơ tác động xấu đến môi trường mức độ cao theo pháp luật về bảo vệ môi trường và tham gia với vai trò là nhà thầu chính và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: + Giá trị phần công việc nhà đầu tư tham gia trong gói thầu/hợp đồng tối thiểu bằng⁽¹⁰⁾ [ghi giá trị tương đương, thông thường trong khoảng 30% - 70% giá trị công việc tương ứng của dự án đang xét]. + Gói thầu/Hợp đồng đã kết thúc trongnăm gần đây [ghi số năm theo yêu cầu]. Kinh nghiệm của nhà đầu tư bằng tổng số dự án của nhà đầu tư/thành viên liên danh đã thực hiện. Các dự án/gói thầu nhà đầu tư/liên danh thực hiện phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng theo hợp đồng đã ký kết mới được xem xét, đánh giá⁽¹¹⁾.

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất, lĩnh vực của dự án, có thể điều chỉnh hoặc bổ sung các chỉ tiêu tài chính khác như: giá trị tài sản ròng, doanh thu, lợi nhuận... Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức mới thành lập trong năm, năng lực tài chính của nhà đầu tư được đánh giá trên cơ sở báo cáo tài chính đã được đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán từ thời điểm thành lập đến trước ngày hết hạn nộp hồ sơ quan tâm thực hiện dự án tối đa 28 ngày.

(2) Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được xác định trên cơ sở các số liệu tài chính của nhà đầu tư được cập nhật trong khoảng thời gian tối đa 28 ngày trước ngày hết hạn nộp hồ sơ quan tâm thực hiện dự án và cam kết về việc huy động vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư.

Vốn chủ sở hữu còn lại của nhà đầu tư = Tổng vốn chủ sở hữu - Chi phí liên quan đến kiện tụng - Vốn chủ sở hữu cam kết cho các dự án đang thực hiện và các khoản đầu tư dài hạn khác (nếu có) - Vốn chủ sở hữu phải giữ lại theo quy định (Vốn chủ sở hữu dùng riêng cho phân bổ hoặc theo yêu cầu pháp lý quy định với Nhà đầu tư; Vốn chủ sở hữu phải giữ lại theo yêu cầu dự phòng đặc biệt cho các trường hợp có thể xảy ra; Vốn chủ sở hữu khác được cam kết sẽ hoàn lại và không dùng cho tuyên bố cổ tức...).

(3) Đối với các dự án trong lĩnh vực mới hoặc có quy mô đầu tư lớn, không có nhà đầu tư có kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự, có thể xem xét, căn cứ dữ liệu về các dự án đã thực hiện, khả năng phân kỳ đầu tư của dự án đang xét để xác định yêu cầu về kinh nghiệm của nhà đầu tư.

Trong trường hợp này, yêu cầu về kinh nghiệm của nhà đầu tư có thể được chỉnh sửa theo hướng thấp hơn so với hướng dẫn nhưng phải bảo đảm phù hợp với thực tế cũng như yêu cầu thực hiện dự án. Bên cạnh đó, trong quá trình xem xét, đánh giá, phải bảo đảm nhà đầu tư có đầy đủ năng lực tài chính, năng lực kỹ thuật để thực hiện dự án.

(4) Nhà đầu tư chỉ được trích dẫn kinh nghiệm thực hiện một dự án tương tự một lần duy nhất.

Cách thức quy đổi các dự án: [quy định 01 dự án thuộc loại 2, 3 bằng tối đa 0,5 - 0,7 dự án thuộc loại 1 và cách thức làm tròn số trong trường hợp số lượng dự án được quy đổi là số lẻ].

(5); (6); (7); (8); (9); (10) Đối với những dự án chưa xác định rõ giá trị tổng mức đầu tư trong các văn bản phê duyệt, hợp đồng dự án, nhà đầu tư phải cung cấp các tài liệu chứng minh để xác định giá trị này.

(11) Nhà đầu tư phải cung cấp các biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng hoặc xác nhận của cơ quan nhà nước để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, chất lượng đối với các dự án/gói thầu đã thực hiện.

IV. CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ QUAN TÂM

Mục 1. Nội dung, thành phần hồ sơ quan tâm

1. Hồ sơ về tư cách pháp lý
2. Hồ sơ kê khai thông tin về năng lực, kinh nghiệm theo các Biểu mẫu số 2A, 2B và 2C, đồng thời đính kèm theo các tài liệu chứng minh.
3. Phản hồi của nhà đầu tư đối với các nội dung khảo sát ý kiến của cơ quan có thẩm quyền.
4. Thông tin liên lạc của nhà đầu tư.

Mục 2. Thời điểm hết hạn nộp hồ sơ quan tâm thực hiện dự án:.....

[Ghi thời điểm (ngày, giờ) cụ thể, nhưng phải bảo đảm tối thiểu là 45 ngày từ ngày đăng tải thông tin khảo sát sự quan tâm của nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia]

Mục 3. Làm rõ yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm nhà đầu tư

1. Trường hợp nhà đầu tư muốn được làm rõ yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, nhà đầu tư phải gửi đề nghị làm rõ đến cơ quan có thẩm quyền bằng văn bản hoặc thông qua Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trước ngày hết hạn nộp hồ sơ quan tâm tối thiểu 05 ngày làm việc để xem xét, xử lý.

2. Sau khi nhận được văn bản đề nghị làm rõ theo thời gian quy định, cơ quan có thẩm quyền tiến hành làm rõ và đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong khoảng thời gian tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày hết hạn nộp hồ sơ quan tâm, trong đó có mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà đầu

tư đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm thì thực hiện theo quy định tại Mục 4.

Mục 4. Sửa đổi yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm nhà đầu tư

1. Trường hợp sửa đổi yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, cơ quan có thẩm quyền đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi trước ngày hết hạn nộp hồ sơ quan tâm tối thiểu 10 ngày.

2. Trường hợp thời gian thông báo sửa đổi yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm không đáp ứng quy định tại Mục 4.1, cơ quan có thẩm quyền thực hiện gia hạn thời gian nộp hồ sơ quan tâm tương ứng để bảo đảm quy định nêu trên. Việc gia hạn được thực hiện theo quy định tại Mục 6.

Mục 5. Ngôn ngữ sử dụng

Hồ sơ quan tâm và tất cả văn bản, tài liệu trao đổi giữa cơ quan có thẩm quyền và nhà đầu tư liên quan đến việc mời quan tâm phải được viết bằng ngôn ngữ sau: *[Ghi cụ thể ngôn ngữ sử dụng]*.

Mục 6. Gia hạn thời gian nộp hồ sơ quan tâm

Cơ quan có thẩm quyền có thể gia hạn thời gian nộp hồ sơ quan tâm trong trường hợp sửa đổi yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm nhà đầu tư hoặc cần tăng thêm số lượng nhà đầu tư hoặc các trường hợp cần thiết khác. Khi gia hạn, cơ quan có thẩm quyền thông báo trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và gửi thông báo đến tất cả các nhà đầu tư đã nộp hồ sơ quan tâm (nếu có) về thời hạn nộp hồ sơ quan tâm.

Mục 7. Thay thế hồ sơ quan tâm

Sau khi nộp, nhà đầu tư có thể thay thế hồ sơ quan tâm bằng cách nộp lại toàn bộ hồ sơ, tài liệu Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trước thời điểm hết hạn nộp hồ sơ quan tâm. Cơ quan có thẩm quyền sẽ chỉ ghi nhận và đánh giá hồ sơ quan tâm cập nhật nhất của nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Mục 8. Thông báo kết quả đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của các nhà đầu tư

Sau khi có kết quả đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của các nhà đầu tư, cơ quan có thẩm quyền đăng tải danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Mục 9. Thông tin liên hệ

- Cơ quan có thẩm quyền:
- Địa chỉ:
- Số điện thoại:
- Số fax:

ĐẠI DIỆN CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

CÁC BIỂU MẪU

1. Biểu mẫu 2A: Thông tin về nhà đầu tư
2. Biểu mẫu 2B: Năng lực tài chính của nhà đầu tư
3. Biểu mẫu 2C: Kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự

Biểu mẫu 2A**THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ**

1. Tên nhà đầu tư/thành viên liên danh⁽¹⁾:
2. Quốc gia nơi đăng ký hoạt động của nhà đầu tư/thành viên liên danh:
3. Năm thành lập:.....
4. Địa chỉ hợp pháp của nhà đầu tư/thành viên liên danh tại quốc gia đăng ký:
5. Thông tin về đại diện hợp pháp của nhà đầu tư/thành viên liên danh:
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Số điện thoại/fax:.....
 - Địa chỉ e-mail:
6. Tỷ lệ góp vốn trong liên danh dự kiến (nếu thành lập liên danh):

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Biểu mẫu này. Nhà đầu tư/thành viên liên danh cần nộp kèm theo bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà đầu tư đang hoạt động cấp.

Biểu mẫu 2B**NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ⁽¹⁾****1. Tên nhà đầu tư/thành viên liên danh:****2. Thông tin về năng lực tài chính của nhà đầu tư/thành viên liên danh:****a) Tóm tắt các số liệu về tài chính⁽²⁾:**

STT	Nội dung	Giá trị
1	Tổng vốn chủ sở hữu	
2	Chi phí liên quan đến kiện tụng (nếu có)	
3	Vốn chủ sở hữu cam kết cho các dự án đang thực hiện và các khoản đầu tư dài hạn khác (nếu có)	
4	Vốn chủ sở hữu phải giữ lại theo quy định	
5	Vốn chủ sở hữu còn lại của nhà đầu tư	$(5) = (1) - (2) - (3) - (4)$

b) Tài liệu đính kèm⁽³⁾

Đính kèm là tài liệu chứng minh về số liệu tài chính của nhà đầu tư được cập nhật trong khoảng thời gian tối đa 28 ngày trước ngày hết hạn nộp hồ sơ quan tâm:

- Bản sao báo cáo tài chính được kiểm toán trong khoảng thời gian 28 ngày trước ngày hết hạn nộp hồ sơ quan tâm (nhà đầu tư có thể sử dụng báo cáo tài chính năm, các báo cáo tài chính giữa niên độ, phương án đảm bảo huy động vốn chủ sở hữu theo cam kết).

Các báo cáo do nhà đầu tư cung cấp phải bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật về tài chính, kế toán, phản ánh tình hình tài chính riêng của nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà đầu tư liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ hoặc công ty con hoặc công ty liên kết với nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh.

- Trường hợp trong khoảng thời gian 28 ngày trước ngày hết hạn nộp hồ sơ quan tâm không trùng với kỳ lập báo cáo tài chính hoặc nhà đầu tư không có báo

cáo tài chính được kiểm toán trong thời gian này, nhà đầu tư phải cung cấp báo cáo tài chính được kiểm toán tại thời điểm gần nhất.

Đồng thời, nhà đầu tư phải kê khai và cung cấp tài liệu chứng minh về sự thay đổi trong các số liệu tài chính từ thời điểm có báo cáo kiểm toán đến thời điểm tham dự thầu (ví dụ như các tài liệu chứng minh việc tăng vốn chủ sở hữu). Nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm về các thông tin đã kê khai. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai là không chính xác, làm sai lệch kết quả đánh giá thì nhà đầu tư sẽ bị xử lý theo quy định.

- Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức mới thành lập trong năm, nhà đầu tư phải nộp báo cáo tài chính đã được đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán từ thời điểm thành lập đến trước hết hạn nộp hồ sơ quan tâm tối đa 28 ngày.

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Biểu mẫu này.

(2) Căn cứ yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, bổ sung các thông tin phù hợp.

(3) Căn cứ yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, có thể bổ sung các tài liệu nhà đầu tư phải nộp để chứng minh năng lực tài chính (ví dụ như: biên bản kiểm tra quyết toán thuế, tờ khai tự quyết toán thuế; tài liệu chứng minh việc nhà đầu tư đã kê khai quyết toán thuế điện tử; văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế...).

Biểu mẫu 2C

KINH NGHIỆM THỰC HIỆN DỰ ÁN TƯƠNG TỰ⁽¹⁾

Địa điểm, ngày tháng năm

*[Nhà đầu tư liệt kê kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự theo yêu cầu]*1. Dự án số 01:..... *[ghi tên dự án]*

Tên nhà đầu tư/thành viên liên danh cùng thực hiện dự án	
1	Số hợp đồng: Ngày ký:
2	Tên dự án/gói thầu:
3	Lĩnh vực đầu tư của dự án
4	Tham gia dự án với vai trò: ☐ Nhà đầu tư độc lập ☐ Thành viên liên danh ☐ Nhà thầu chính
5	Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền/đại diện cơ quan nhà nước có thẩm quyền (đối với dự án); chủ đầu tư/đại diện chủ đầu tư (đối với gói thầu) Địa chỉ: Tên người liên lạc: Điện thoại: Fax: Email:
6	Thông tin chi tiết
6.1	Trường hợp tham gia thực hiện dự án với vai trò nhà đầu tư/thành viên liên danh
	Tiến độ, chất lượng thực hiện dự án ⁽²⁾ :
	Tổng mức đầu tư:
	Tỷ lệ góp vốn (trường hợp nhà đầu tư là liên danh):
	Vốn chủ sở hữu đã được huy động:

	Mô tả ngắn gọn về điểm tương đồng của dự án đã thực hiện này với dự án đang lựa chọn nhà đầu tư:
	- Mô tả ngắn gọn về phần công việc đã thực hiện: - Giá trị của (các) phần công việc đã thực hiện: (Giá trị và loại tiền tệ) tương đương... VNĐ
	- Mô tả ngắn gọn về phần công việc còn phải thực hiện: - Giá trị của (các) phần công việc còn phải thực hiện: (Giá trị và loại tiền tệ) tương đương... VNĐ
	Lịch sử tranh chấp, kiện tụng:
	Mô tả tóm tắt về các yêu cầu đặc biệt về kỹ thuật/hoạt động vận hành:
6.2	Trường hợp tham gia thực hiện dự án với vai trò nhà thầu
	Phạm vi công việc tham gia thực hiện:
	Giá trị phần công việc tham gia thực hiện:
	Tiến độ, chất lượng thực hiện ⁽³⁾ :
	Lịch sử tranh chấp, kiện tụng:
	Mô tả tóm tắt về các yêu cầu đặc biệt về kỹ thuật:

2. Dự án số 02:..... [ghi tên dự án]

...

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ ĐẦU TƯ
(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Yêu cầu kê khai thông tin tại Biểu mẫu này có thể được điều chỉnh, bổ sung để phù hợp với yêu cầu sơ bộ về năng lực kinh nghiệm của nhà đầu tư.

(2), (3) Nhà đầu tư phải cung cấp các tài liệu chứng minh các thông tin đã kê khai và tiến độ, chất lượng thực hiện hợp đồng như bản sao công chứng hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng, xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền/đại diện cơ quan nhà nước có thẩm quyền (đối với dự án), chủ đầu tư/đại diện chủ đầu tư (đối với gói thầu)...

Phụ lục V
QUY TRÌNH LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ DỰ ÁN PPP
(Kèm theo Nghị định số 35/2021/NĐ-CP
ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ)

I. QUY TRÌNH ĐẦU THẦU RỘNG RÃI (đối với dự án PPP thông thường)

Tổng quát	Chi tiết	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Điều kiện, điều khoản áp dụng
	Quyết định chủ trương đầu tư dự án ↓ Khảo sát sự quan tâm (trong quá trình lập Báo cáo nghiên cứu khả thi (BCNCKT)) ↓ Quyết định phê duyệt dự án ↓	Cấp có thẩm quyền Cơ quan có thẩm quyền (CQCTQ) CQCTQ	Điều 21 Điều 25 [Thông báo khảo sát trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (HTMĐTQG)] Điều 34 [- 6 nhà đầu tư (NĐT) trở lên quan tâm, ít nhất 01 NĐT nước ngoài → Đấu thầu rộng rãi (ĐTRR) quốc tế có sơ tuyển. - 6 NĐT trong nước trở lên quan tâm → ĐTRR trong nước có sơ tuyển. - Dưới 6 NĐT quan tâm, ít nhất 1 NĐT nước ngoài → ĐTRR quốc tế.]
1. Lựa chọn danh sách ngắn (DSN)	Lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển ↓ Nộp, mở, đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển ↓ Trình, thẩm định, phê duyệt, đăng tải DSN ↓	- Bên mời thầu (BMT) lập - Đơn vị được giao thẩm định (ĐVTĐ) - CQCTQ/BMT (ủy quyền) phê duyệt BMT, Tổ chuyên gia - Tổ chuyên gia trình - ĐVTĐ - CQCTQ/BMT (ủy quyền) phê duyệt - BMT đăng tải	- Dưới 6 NĐT trong nước quan tâm → ĐTRR trong nước] Điều 38 - 39 Điều 40 - 41 Điều 42 [Đăng tải trên HTMĐTQG]
2. Chuẩn bị lựa chọn NĐT	Lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu (HSMT) ↓	- BMT lập - ĐVTĐ - CQCTQ/BMT (ủy quyền) phê duyệt	Điều 49

Tổng quát	Chi tiết	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Điều kiện, điều khoản áp dụng
3. Tổ chức lựa chọn NĐT	Thư mời thầu (TMT)/Thông báo mời thầu (TBMT), phát hành, sửa đổi, làm rõ HSMT	BMT	Điều 51 [<i>ĐTRR có sơ tuyển:</i> Gửi TMT, phát hành HSMT cho NĐT trong DSN; <i>ĐTRR không có sơ tuyển:</i> TBMT, phát hành HSMT trên HTMĐTQG] Điều 52 Điều 55 - 57
	Chuẩn bị, nộp hồ sơ dự thầu (HSDT)	NĐT	
	Mở, đánh giá hồ sơ đề xuất kỹ thuật (HSDXKT)	BMT, Tổ chuyên gia	
4. Đánh giá HSDT	Trình, thẩm định, phê duyệt danh sách NĐT đáp ứng kỹ thuật	- Tổ chuyên gia trình - ĐVTĐ - CQCTQ/BMT (ủy quyền) phê duyệt	Điều 58 - 59
	Mở, đánh giá hồ sơ đề xuất tài chính - thương mại (HSDXTCTM)	BMT, Tổ chuyên gia	
5. Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai KQLCNĐT	Trình, thẩm định, phê duyệt, công khai kết quả lựa chọn NĐT (KQLCNĐT)	- BMT trình - ĐVTĐ - CQCTQ phê duyệt - BMT đăng tải	Điều 62 – 63 [công khai trên KQLCNĐT HTMĐTQG]
6. Đàm phán, hoàn thiện, ký kết hợp đồng	Đàm phán, hoàn thiện, ký kết, công khai hợp đồng dự án (HDDA)	- BMT, NĐT đàm phán - CQCTQ/CQ, ĐV trực thuộc (ủy quyền), NĐT, Doanh nghiệp dự án ký HĐ - CQCTQ/CQ, ĐV trực thuộc (ủy quyền) đăng tải	Điều 64 - 65 [công khai thông tin hợp đồng trên HTMĐTQG]

II. QUY TRÌNH ĐÀM PHÁN CẠNH TRANH (đối với dự án PPP không có không quá 03 nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Điều 38 của Luật PPP)

Tổng quát	Chi tiết	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Điều kiện, điều khoản áp dụng
	Quyết định chủ trương đầu tư dự án ↓ Khảo sát sự quan tâm (trong quá trình lập BCNCKT) có không quá 03 NĐT đáp ứng yêu cầu ↓ Quyết định phê duyệt dự án	Cấp có thẩm quyền CQCTQ CQCTQ	Khoản 3 Điều 21 [quy định dự án áp dụng]. Điều 36 [có hơn 03 NĐT đáp ứng → ĐTRR] Điều 34
1. Lựa chọn DSN	DSN (căn cứ kết quả khảo sát quan tâm) được phê duyệt tại Quyết định phê duyệt dự án	CQCTQ	Điều 48 [DSN, Quyết định phê duyệt dự án được đăng tải trên HTMĐTQG]
2. Chuẩn bị lựa chọn NĐT 2.1. Đàm phán 2.2. Lập, thẩm định, phê duyệt HSMT	↓ Đàm phán, trao đổi về nội dung HSMT ↓ Lập, thẩm định, phê duyệt HSMT	BMT, NĐT - BMT lập - ĐVTĐ - CQCTQ/BMT (ủy quyền) phê duyệt	Điều 48 Điều 49
3. Tổ chức lựa chọn NĐT	TMT, phát hành, sửa đổi, làm rõ HSMT ↓ Chuẩn bị, nộp HSDT ↓	BMT NĐT	Điều 51 [TMT, phát hành HSMT gửi tới NĐT trong DSN] Điều 52 [nộp HSDT đến BMT]

Tổng quát	Chi tiết	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Điều kiện, điều khoản áp dụng
4. Đánh giá HSDT	Mở, đánh giá HSĐXKT	BMT, Tổ chuyên gia	Điều 55 - 56
	Trình, thẩm định, phê duyệt danh sách NĐT đáp ứng kỹ thuật	- Tổ chuyên gia trình - ĐVTĐ - CQCTQ/BMT (ủy quyền) phê duyệt	Điều 57
5. Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai KQLCNĐT	Mở, đánh giá HSĐXTCTM	BMT, Tổ chuyên gia	Điều 58 - 59
	Trình, thẩm định, phê duyệt, công khai KQLCNĐT	- BMT trình - ĐVTĐ - CQCTQ phê duyệt - BMT đăng tải	Điều 62 - 63 [công khai KQLCNĐT HTMĐTQG]
6. Đàm phán, hoàn thiện, ký kết hợp đồng	Đàm phán, hoàn thiện, ký kết, công khai HĐĐA	- BMT, NĐT đàm phán - CQCTQ/CQ, ĐV trực thuộc (ủy quyền), NĐT, Doanh nghiệp dự án ký HĐ - CQCTQ/CQ, ĐV trực thuộc (ủy quyền) đăng tải	Điều 64 - 65 [công khai thông tin hợp đồng trên HTMĐTQG]

III. QUY TRÌNH ĐÀM PHÁN CẠNH TRANH (đối với dự án ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 38 của Luật PPP)

Tổng quát	Chi tiết	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Điều kiện, điều khoản áp dụng
	Quyết định chủ trương đầu tư dự án ↓	Cấp có thẩm quyền	
1. Mời đàm phán cạnh tranh 1.1. Lựa chọn DSN 1.2. Đàm phán Vòng 1 Vòng 2	Lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời đàm phán (HSMĐP) ↓	- BMT lập - ĐVTĐ - CQCTQ/BMT (ủy quyền) phê duyệt	Điều 43
	TBMT, phát hành HSMĐP ↓	BMT	Điều 44 [Đăng tải TBMT, phát hành HSMĐP trên HTMĐTQG]
	Chuẩn bị, nộp hồ sơ dự đàm phán (HSDĐP) ↓	NĐT	Điều 45 [HSDĐP gồm HSNLKN và hồ sơ đề xuất về kỹ thuật, tài chính – thương mại (HSDXKT, TCTM) được niêm phong riêng biệt]
	Mở, đánh giá hồ sơ năng lực, kinh nghiệm (HSNLKN) ↓	BMT, Tổ chuyên gia	Điều 46
	Trình, thẩm định, phê duyệt, đăng tải DSN ↓	- Tổ chuyên gia trình - ĐVTĐ - CQCTQ/BMT (ủy quyền) phê duyệt - BMT đăng tải	Điều 46
	Mở HSDXKT, TCTM đàm phán với NĐT ↓	BMT, NĐT	Điều 47
	Sửa đổi yêu cầu về KT, TCTM và thông báo cho NĐT (nếu cần thiết) ↓	BMT	Điều 47
	Hoàn thiện HSDXKT, TCTM, nộp cho BMT ↓	NĐT	Điều 47
	Mở HSDXKT, TCTM, đàm phán với NĐT để chuẩn xác yêu cầu chi tiết ↓	BMT, NĐT	Điều 47

Tổng quát	Chi tiết	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Điều kiện, điều khoản áp dụng
2. Chuẩn bị lựa chọn NĐT	Lập, thẩm định, phê duyệt HSMT	- BMT lập - ĐVTĐ - CQCTQ/BMT (ủy quyền) phê duyệt	Điều 49
	TMT, phát hành, sửa đổi, làm rõ HSMT	BMT	Điều 51 [gửi TMT, phát hành HSMT cho NĐT trong DSN]
3. Tổ chức lựa chọn NĐT	Chuẩn bị, nộp HSDT	NĐT	Điều 52 [HSDT bao gồm HSĐXKT, HSĐXTCTM được niêm phong riêng biệt]
4. Đánh giá HSDT	Mở HSDT, đánh giá năng lực (nếu cập nhật)	BMT, Tổ chuyên gia	Điều 60, 61 [không đánh giá tính hợp lệ]
	Đánh giá về kỹ thuật	Tổ chuyên gia	Điều 61
	Đánh giá về tài chính – thương mại	Tổ chuyên gia	Điều 61
5. Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai KQLC NĐT	Trình, thẩm định, phê duyệt, công khai KQLC NĐT	- BMT trình - ĐVTĐ - CQCTQ phê duyệt - BMT đăng tải	Điều 62 [công khai KQLC NĐT HTMĐTQG]
	Lập, thẩm định BCNCKT, Phê duyệt dự án	- NĐT lập - CQCTQ phê duyệt	Điều 27
6. Đàm phán, hoàn thiện, ký kết hợp đồng	Đàm phán, hoàn thiện, ký kết, công khai HĐDA	- BMT, NĐT đàm phán - CQCTQ/CQ,ĐV trực thuộc (ủy quyền), NĐT, Doanh nghiệp dự án ký HĐDA - CQCTQ/CQ,ĐV trực thuộc (ủy quyền) đăng tải	Điều 63 [công khai thông tin hợp đồng trên HTMĐTQG]

IV. QUY TRÌNH CHỈ ĐỊNH NHÀ ĐẦU TƯ (đối với dự án quốc phòng, an ninh, bí mật nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Luật PPP)

Tổng quát	Chi tiết	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Điều kiện, điều khoản áp dụng
1. Chuẩn bị chỉ định NĐT	Lập, thẩm định, phê duyệt HSMT	- BMT lập - ĐVTĐ - CQCTQ/BMT (ủy quyền) phê duyệt	Điều 37 [CQCTQ chịu trách nhiệm xác định nhà đầu tư đáp ứng quy định tại Điều 29 của Luật PPP và khoản 5 Điều 29 của Nghị định này được đề nghị chỉ định khi phê duyệt hồ sơ mời thầu], Điều 49
2. Tổ chức chỉ định NĐT	Phát hành HSMT cho NĐT được đề nghị chỉ định	BMT	Điều 66 [Nội dung hồ sơ trong các bước thực hiện như đối với các bước tương ứng của quy trình đấu thầu rộng rãi]
	Chuẩn bị, nộp HSDT	NĐT	Điều 52
	Mở HSDT	BMT	Điều 55
3. Đánh giá HSDT	Đánh giá HSĐXKT	Tổ chuyên gia	Điều 56
	Mở, đánh giá HSĐXTCTM	BMT, Tổ chuyên gia	Điều 58 - 59
4. Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai KQLCNĐT	Trình, thẩm định, phê duyệt, công khai KQLCNĐT	- BMT trình - ĐVTĐ - CQCTQ phê duyệt - BMT đăng tải	Điều 62 - 63 [công khai KQLCNĐT trên HTMĐTQG]
5. Đàm phán, hoàn thiện, ký kết hợp đồng	Đàm phán, hoàn thiện, ký kết, công khai HĐĐA	- BMT, NĐT đàm phán - CQCTQ/CQ, ĐV trực thuộc (ủy quyền), NĐT, Doanh nghiệp dự án ký HĐ - CQCTQ/CQ, ĐV trực thuộc (ủy quyền) đăng tải	Điều 64 - 65 [công khai thông tin hợp đồng trên HTMĐTQG]

V. QUY TRÌNH CHỈ ĐỊNH NHÀ ĐẦU TƯ (đối với dự án cần bảo đảm tính liên tục theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 của Luật PPP)

Tổng quát	Chi tiết	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Điều kiện, điều khoản áp dụng
1. Xác định NĐT được chỉ định	Xác định yêu cầu về NLKN, tư cách hợp lệ; Xây dựng dự thảo HĐ	CQCTQ/CQ, ĐV trực thuộc (ủy quyền), Bên cho vay	Điều 67 [Cơ quan ký kết hợp đồng phối hợp bên cho vay thực hiện]
	↓ Đánh giá về NLKN, tư cách hợp lệ	CQCTQ/CQ, ĐV trực thuộc (ủy quyền), Bên cho vay	Điều 67
	↓ Quyết định NĐT được đề nghị chỉ định	Cấp có thẩm quyền	Điều 67
2. Thực hiện chỉ định NĐT	↓ Đàm phán, hoàn thiện, ký kết hợp đồng	BMT, NĐT và các bên liên quan (nếu có)	Điều 68
	↓ Phê duyệt KQLCNĐT	CQCTQ	Điều 68
	↓ Công khai KQLCNĐT, hợp đồng dự án	- BMT đăng tải KQLCNĐT - CQCTQ/CQ, ĐV trực thuộc (ủy quyền) đăng tải thông tin về HĐ	Điều 68, Điểm b, c khoản 1, khoản 2 Điều 4

Phụ lục VI
HƯỚNG DẪN LẬP HỢP ĐỒNG MẪU DỰ ÁN PPP
(Kèm theo Nghị định số 35/2021/NĐ-CP
ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ)

I. HÌNH THỨC HỢP ĐỒNG MẪU DỰ ÁN PPP

Hợp đồng mẫu dự án PPP bao gồm các thành phần sau đây:

1. Văn bản thỏa thuận của các bên về hợp đồng, bao gồm: căn cứ pháp lý ký kết hợp đồng dự án; thông tin chung về các bên ký kết hợp đồng dự án (cơ quan ký kết hợp đồng, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án); hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý; thời hạn hợp đồng và thời điểm có hiệu lực của hợp đồng.
2. Điều kiện chung của hợp đồng bao gồm các nội dung áp dụng chung, phù hợp với loại hợp đồng, ngành và lĩnh vực của dự án.
3. Điều kiện cụ thể của hợp đồng làm rõ các nội dung tương ứng với điều kiện chung khi áp dụng đối với từng dự án cụ thể.
4. Phụ lục hợp đồng quy định chi tiết một số điều khoản của hợp đồng.

II. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA HỢP ĐỒNG DỰ ÁN

Các nội dung dưới đây được sắp xếp, trình bày trong các thành phần của Hợp đồng mẫu dự án PPP căn cứ tính chất, đặc điểm của từng ngành, lĩnh vực và loại hợp đồng của dự án.

1. Giải thích từ ngữ

- a) Định nghĩa và các từ viết tắt về các khái niệm, từ ngữ được sử dụng trong hợp đồng dự án, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và bối cảnh cụ thể của hợp đồng dự án.
- b) Nguyên tắc giải thích các từ số ít, số nhiều, giới tính và các vấn đề đặc thù khác trong trường hợp hợp đồng dự án được ký kết với một bên là nhà đầu tư nước ngoài.

2. Mục tiêu, quy mô dự án

- a) Mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của dự án.
- b) Quy mô, công suất; dự án thành phần, tiểu dự án, hạng mục của dự án.

3. Địa điểm thực hiện dự án, nhu cầu sử dụng đất, tài nguyên khác

Địa điểm thực hiện dự án, bao gồm cụ thể địa danh, diện tích sử dụng đất, tài nguyên khác (mặt nước, khoáng sản...) trong phạm vi dự án và các công trình có liên quan; kết quả khảo sát địa chất và phương án xử lý.

4. Thời hạn hợp đồng và tiến độ thực hiện dự án

a) Thời hạn hợp đồng dự án căn cứ phương án tài chính tại báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt và quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư, có thể bao gồm các mốc thời gian sau:

- Thời gian chuẩn bị khởi công xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng;
- Thời gian xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng;
- Thời gian vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng;
- Thời hạn hợp đồng dự án.

b) Các trường hợp được điều chỉnh thời hạn hợp đồng dự án theo quy định tại Điều 51 của Luật PPP và các mốc thời gian tại điểm a khoản này.

c) Thỏa thuận về sửa đổi hợp đồng khi điều chỉnh thời hạn hợp đồng dự án.

5. Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; tiến độ giao đất, cho thuê đất, điều kiện sử dụng đất, mặt nước, tài nguyên khác và công trình có liên quan

a) Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

b) Quyền và nghĩa vụ của các bên trong việc tổ chức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và hoàn thành các thủ tục giao đất, cho thuê đất, giám sát, kiểm tra việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

c) Nghĩa vụ của các bên trong việc bảo đảm thu xếp nguồn vốn để thanh toán chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

d) Điều kiện sử dụng đất, mặt nước, tài nguyên khác hoặc công trình có liên quan theo quy định của pháp luật và bối cảnh của dự án.

đ) Quy định về khai quật và xử lý các vật hóa thạch, cổ vật, công trình kiến trúc hoặc hiện vật khác trong khu vực dự án và quyền, nghĩa vụ của các bên đối với các hiện vật này.

e) Thời điểm, tiến độ giao đất, cho thuê đất. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong việc quản lý, sử dụng diện tích đất được giao.

g) Trách nhiệm của mỗi bên trong trường hợp vi phạm nghĩa vụ nêu trên.

6. Yêu cầu về kỹ thuật, công nghệ, chất lượng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng, sản phẩm, dịch vụ công được cung cấp

a) Các yêu cầu về kỹ thuật, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, công nghệ áp dụng cho dự án.

b) Các tiêu chuẩn, chỉ số đánh giá chất lượng của công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng, sản phẩm, dịch vụ công được cung cấp căn cứ nội dung tại báo cáo nghiên cứu khả thi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Quyền, nghĩa vụ của các bên trong việc giám sát tính tuân thủ các yêu cầu, tiêu chuẩn, chỉ số đánh giá chất lượng quy định tại khoản này.

7. Tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, phương án tài chính

Nội dung tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn và phương án tài chính được trình bày chi tiết tại phương án tài chính kèm theo hợp đồng dự án, bao gồm:

a) Tổng mức đầu tư;

b) Cơ cấu nguồn vốn:

- Giá trị phần vốn chủ sở hữu;
- Giá trị phần vốn do nhà đầu tư huy động;
- Giá trị phần vốn nhà nước trong dự án (nếu có).

c) Kế hoạch thu xếp tài chính:

- Vốn chủ sở hữu: tổng số vốn; tiến độ góp vốn chủ sở hữu so với vốn điều lệ của doanh nghiệp dự án.

- Nguồn vốn huy động (vốn vay, vốn tín dụng ưu đãi, trái phiếu doanh nghiệp dự án và các nguồn vốn khác): tổng mức vốn huy động, thời gian vay, trả, thời gian ân hạn (theo từng nguồn vốn); chi phí huy động vốn bao gồm: lãi suất vốn vay của từng nguồn vốn, chi phí cần thiết liên quan đến huy động nguồn vốn được pháp luật cho phép; đồng tiền vay và tỷ giá thanh toán; điều kiện đảm bảo nguồn vốn huy động; tiến độ, thứ tự giải ngân, phương án trả nợ (theo từng nguồn vốn).

- Thời điểm ký kết thỏa thuận về việc lựa chọn nhà đầu tư thay thế giữa cơ quan ký kết hợp đồng, bên cho vay và nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án (được ký kết đồng thời với hợp đồng cấp tín dụng).

d) Doanh thu trong phương án tài chính:

- Mức doanh thu theo các thời hạn do các bên thỏa thuận;
- Đồng tiền được áp dụng để xác định doanh thu.

đ) Các chỉ tiêu tài chính đầu ra cần đạt được để bảo đảm tính khả thi tài chính của dự án.

e) Nghĩa vụ của nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án trong việc thu xếp tài chính cho dự án.

g) Trách nhiệm của nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án trong trường hợp vi phạm nghĩa vụ nêu trên.

8. Vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng (trường hợp áp dụng)

a) Giá trị vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng căn cứ theo kết quả lựa chọn nhà đầu tư.

b) Cơ sở pháp lý về việc nguồn vốn đầu tư công đã được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; giá trị tài sản công đã được cấp có thẩm quyền cho phép sử dụng trong dự án PPP.

c) Hình thức quản lý, sử dụng phần vốn đầu tư công làm phần vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng. Nghĩa vụ của doanh nghiệp dự án trong việc trình, thẩm định, phê duyệt dự toán đối với phần vốn đầu tư công tuân thủ quy định của pháp luật về xây dựng và Điều 57 của Luật PPP; lựa chọn nhà thầu tuân thủ quy định tại Điều 58 của Luật PPP; thực hiện thủ tục nghiệm thu khối lượng hoàn thành, nộp hồ sơ đề nghị thanh toán và thực hiện quyết toán hoàn thành theo từng phương thức quản lý, sử dụng vốn nhà nước (tiểu dự án hoặc hạng mục).

d) Nghĩa vụ của cơ quan ký kết hợp đồng trong việc thanh toán cho doanh nghiệp dự án.

đ) Tiến độ thanh toán cho doanh nghiệp dự án.

e) Trách nhiệm của cơ quan ký kết trong trường hợp vi phạm nghĩa vụ nêu trên.

9. Thanh toán của cơ quan ký kết hợp đồng (trường hợp áp dụng loại hợp đồng BTL, BLT)

- a) Giá trị thanh toán định kỳ cho doanh nghiệp dự án.
- b) Điều kiện thanh toán khi doanh nghiệp dự án đáp ứng yêu cầu nêu tại khoản 7 mục này.
- c) Cơ sở pháp lý về việc sử dụng vốn nhà nước để thanh toán cho doanh nghiệp dự án.
- d) Nghĩa vụ của cơ quan ký kết hợp đồng trong việc thanh toán cho doanh nghiệp dự án.
- đ) Tiến độ thanh toán cho doanh nghiệp dự án.

e) Trách nhiệm của cơ quan ký kết trong trường hợp vi phạm nghĩa vụ nêu trên.

10. Chia sẻ phần tăng, giảm doanh thu

- a) Cơ chế báo cáo doanh thu của doanh nghiệp dự án cho cơ quan ký kết hợp đồng và cơ chế theo dõi doanh thu.
- b) Trường hợp áp dụng cơ chế chia sẻ phần tăng, giảm doanh thu theo quy định tại Điều 82 của Luật PPP.
- c) Thời hạn thanh toán phần chia sẻ phần tăng doanh thu.
- d) Trường hợp dự án được áp dụng cơ chế chia sẻ phần giảm doanh thu, nêu thứ tự ưu tiên thanh toán; trình tự, thủ tục thực hiện chia sẻ phần giảm doanh thu; thời hạn thanh toán.

11. Ưu đãi đầu tư, bảo đảm đầu tư

- a) Ưu đãi đầu tư:
 - Ưu đãi về thuế mà doanh nghiệp dự án được hưởng.
 - Ưu đãi về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.
 - Ưu đãi đầu tư khác.
- b) Bảo đảm đầu tư:
 - Bảo đảm về quyền tiếp cận đất, quyền sử dụng đất và tài sản công khác của doanh nghiệp dự án;
 - Bảo đảm cung cấp các dịch vụ công cho doanh nghiệp dự án;

- Bảo đảm quyền thế chấp tài sản, quyền kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng (cần quy định tương ứng với khoản 23 mục này);

- Bảo đảm an ninh, trật tự an toàn về tài sản, con người của doanh nghiệp dự án PPP;

- Các bảo đảm đầu tư khác theo pháp luật về đầu tư.

c) Bảo đảm cân đối ngoại tệ (áp dụng đối với dự án PPP được Chính phủ cho phép): hạn mức, thời hạn, thời điểm cân đối ngoại tệ.

12. Giá, phí sản phẩm, dịch vụ công

a) Mức giá, phí sản phẩm, dịch vụ công; phương pháp và công thức để thiết lập hoặc điều chỉnh mức giá, phí sản phẩm, dịch vụ công.

b) Các trường hợp, thủ tục điều chỉnh giá, phí sản phẩm, dịch vụ công cho từng thời kỳ.

c) Quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm điều chỉnh giá, phí sản phẩm, dịch vụ công.

d) Nghĩa vụ công khai thông tin về mức giá, phí sản phẩm, dịch vụ công tại các thời điểm:

- Sau khi ký kết hợp đồng;

- Chuyển bị chuyển sang giai đoạn vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng;

- Sau mỗi lần điều chỉnh giá, phí sản phẩm, dịch vụ công.

13. Cơ cấu lại các khoản nợ (trường hợp áp dụng)

a) Điều kiện được cơ cấu lại các khoản nợ.

b) Cơ chế chia sẻ phần lợi nhuận gia tăng khi cơ cấu lại các khoản nợ.

14. Quyền, nghĩa vụ của các bên trước giai đoạn xây dựng

a) Việc thu xếp tài chính.

b) Việc lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế sau thiết kế cơ sở và dự toán.

c) Việc thực hiện các thủ tục xin cấp phép theo quy định của pháp luật có liên quan.

d) Cơ chế phối hợp giữa các bên trong việc thực hiện các nghĩa vụ nêu tại khoản này.

15. Quyền, nghĩa vụ của các bên trong giai đoạn xây dựng

- a) Việc thực hiện các thủ tục, yêu cầu về thi công xây dựng.
- b) Phương án tổ chức xây dựng công trình tạm, công trình phụ trợ (nếu có).
- c) Lựa chọn các nhà thầu trong quá trình xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng.
- d) Chế độ quản lý chất lượng và giám sát, nghiệm thu công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng (bao gồm cả công trình thuộc tiểu dự án sử dụng vốn đầu tư công trong dự án).
- đ) Hồ sơ, trình tự, thời gian thực hiện thủ tục xác nhận hoàn thành công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng.
- e) Thủ tục kiểm toán và quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng (nguyên tắc quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng căn cứ kết quả lựa chọn nhà đầu tư).
- g) Giám định và kiểm định chất lượng thi công xây dựng, thiết bị.
- h) Cơ chế phối hợp giữa các bên trong việc thực hiện các nghĩa vụ nêu tại Mục này.

16. Quyền, nghĩa vụ của các bên trong giai đoạn vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng

- a) Điều kiện vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng.
- b) Nghĩa vụ của doanh nghiệp dự án trong việc đáp ứng các yêu cầu, tiêu chuẩn, chỉ số đánh giá chất lượng thực hiện dự án về vận hành, kinh doanh, khai thác công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng một cách liên tục, ổn định.
- c) Việc thu xếp bảo hiểm, bảo hành công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng.
- d) Tổ chức vận hành, bảo dưỡng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng trong giai đoạn vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng.
- đ) Điều kiện, biện pháp giải quyết khi tạm ngừng cung cấp hàng hóa, dịch vụ do sự cố kỹ thuật, sự kiện bất khả kháng và các trường hợp khác.
- e) Quyền, nghĩa vụ của Cơ quan ký kết hợp đồng trong việc:
 - Kiểm tra, giám sát và phối hợp với doanh nghiệp dự án thực hiện các nghĩa vụ nêu tại Mục này;

- Cung cấp nguyên liệu đầu vào chủ yếu cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp dự án (áp dụng đối với dự án PPP có yêu cầu về nguyên liệu đầu vào).

17. Quyền, nghĩa vụ của các bên trong giai đoạn chuyển giao công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng

a) Điều kiện kỹ thuật, tình trạng hoạt động và chất lượng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng khi chuyển giao.

b) Trình tự, thủ tục liên quan trong giai đoạn chuyển giao công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng.

c) Chế độ cho người lao động tại doanh nghiệp dự án khi thực hiện chuyển giao công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng.

18. Quyền, nghĩa vụ khác của các bên ký kết hợp đồng

a) Thỏa thuận về việc sử dụng dịch vụ bảo lãnh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm hoạt động hợp pháp tại Việt Nam đối với nghĩa vụ của cơ quan ký kết hợp đồng.

b) Nghĩa vụ của nhà đầu tư và giới hạn trách nhiệm của nhà đầu tư đối với các nghĩa vụ của doanh nghiệp dự án trong hợp đồng.

c) Nghĩa vụ của doanh nghiệp dự án trong việc báo cáo định kỳ tình hình triển khai dự án với cơ quan ký kết hợp đồng.

d) Nghĩa vụ của doanh nghiệp dự án trong việc bảo đảm tuân thủ các quy định về an toàn và sức khỏe của người lao động, bảo vệ môi trường và các nghĩa vụ liên quan khác.

đ) Nghĩa vụ của các bên ký kết hợp đồng đối với việc bảo mật thông tin; cung cấp thông tin, tài liệu liên quan và giải trình việc thực hiện hợp đồng theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát.

19. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

a) Giá trị, thời gian có hiệu lực, các trường hợp được, không được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm thực hiện hợp đồng căn cứ quy định tại Điều 48 của Luật PPP và Điều 35 của Nghị định này.

b) Trách nhiệm của nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án đối với nghĩa vụ cung cấp bảo đảm thực hiện hợp đồng và biện pháp xử lý trong trường hợp nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án không thực hiện nghĩa vụ này.

20. Quy định về phạt hợp đồng

a) Các trường hợp áp dụng phạt hợp đồng, bao gồm trường hợp không thực hiện đúng cam kết về việc sử dụng nhà thầu, hàng hóa, vật tư, thiết bị trong nước.

b) Hình thức phạt vi phạm hợp đồng:

- Phạt tiền: mức phạt cụ thể đối với từng trường hợp và thủ tục thực hiện.
- Tạm dừng việc khai thác, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng: thời điểm áp dụng, thời hạn phạt và thủ tục thực hiện.
- Các hình thức khác do các bên thỏa thuận không trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

21. Doanh nghiệp dự án

- a) Mô hình tổ chức, hoạt động của doanh nghiệp dự án.
- b) Vốn điều lệ của doanh nghiệp dự án.
- c) Nghĩa vụ của nhà đầu tư trong việc góp vốn chủ sở hữu theo tiến độ được thỏa thuận.
- d) Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư khi chuyển nhượng cổ phần hoặc phần vốn góp cho nhà đầu tư khác, bao gồm cả trường hợp chuyển nhượng toàn bộ cổ phần hoặc phần vốn góp tương đương với việc chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng dự án PPP;

22. Phát hành trái phiếu và huy động vốn hợp pháp khác

- a) Việc áp dụng hình thức huy động vốn thông qua phát hành trái phiếu của doanh nghiệp dự án, vốn hợp pháp khác.
- b) Điều kiện, nguyên tắc, thời điểm, phương thức phát hành trái phiếu của doanh nghiệp dự án.
- c) Giá trị vốn huy động thông qua phát hành trái phiếu, vốn hợp pháp khác.

23. Tài sản, quyền thế chấp

- a) Quy định về tài sản: quyền sở hữu, quản lý, khai thác tài sản hình thành trong quá trình thực hiện hợp đồng dự án; tài sản không được phép thế chấp.

b) Quyền của doanh nghiệp dự án trong việc thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dự án.

c) Quyền của doanh nghiệp dự án trong việc thế chấp quyền kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng.

d) Quyền của doanh nghiệp dự án trong việc thế chấp quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

đ) Trách nhiệm của cơ quan ký kết hợp đồng phối hợp với bên cho vay trong việc lựa chọn nhà đầu tư thay thế để tiếp nhận quyền, nghĩa vụ đối với tài sản thế chấp khi chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.

24. Sửa đổi hợp đồng dự án

a) Các trường hợp được xem xét sửa đổi hợp đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 50 của Luật PPP và các khoản 25, 26 và 27 mục này.

b) Trình tự sửa đổi hợp đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 50 của Luật PPP.

c) Thủ tục, nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên khi điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án do sửa đổi hợp đồng.

25. Sửa đổi hợp đồng do hoàn cảnh thay đổi cơ bản

a) Điều kiện xác định hoàn cảnh thay đổi cơ bản.

b) Thỏa thuận về sửa đổi hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản.

c) Quy định về việc thực hiện nghĩa vụ hợp đồng như đã thỏa thuận nhằm duy trì tính liên tục của việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ công.

d) Quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản.

26. Sửa đổi hợp đồng do sự kiện bất khả kháng

a) Quy định các trường hợp bất khả kháng, điều kiện xác định sự kiện bất khả kháng.

b) Quy trình xử lý trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng.

c) Thỏa thuận về sửa đổi hợp đồng khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

d) Quy định về việc thực hiện nghĩa vụ hợp đồng như đã thỏa thuận nhằm duy trì tính liên tục của việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ công.

đ) Quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

27. Sửa đổi hợp đồng do quy hoạch, chính sách, pháp luật thay đổi

a) Quy định các trường hợp, điều kiện xác định trường hợp thay đổi quy hoạch, chính sách, pháp luật có ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng dự án theo quy định của pháp luật về PPP.

b) Cơ sở, tài liệu chứng minh doanh thu của doanh nghiệp dự án bị sụt giảm so với mức doanh thu trong phương án tài chính do thay đổi quy hoạch, chính sách, pháp luật theo quy định tại Điều 51 và Điều 82 của Luật PPP.

c) Thỏa thuận về sửa đổi hợp đồng, áp dụng cơ chế chia sẻ phần giảm doanh thu khi thay đổi quy hoạch, chính sách, pháp luật.

d) Quy định về việc thực hiện nghĩa vụ hợp đồng như đã thỏa thuận nhằm duy trì tính liên tục của việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ công.

đ) Quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên khi thay đổi quy hoạch, chính sách, pháp luật.

28. Chấm dứt hợp đồng trước thời hạn

a) Các trường hợp được xem xét chấm dứt hợp đồng trước thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 52 của Luật PPP.

b) Công thức xác định mức chi phí xử lý tương ứng các trường hợp chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.

c) Thủ tục, nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên khi thực hiện chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.

d) Việc kiểm kê, chuyển giao tài sản, thanh toán cho các bên có liên quan tương ứng với từng trường hợp chấm dứt trước thời hạn.

đ) Giới hạn trách nhiệm của cơ quan ký kết hợp đồng về nghĩa vụ tài chính khi chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.

29. Pháp luật điều chỉnh

a) Pháp luật điều chỉnh hợp đồng dự án và các phụ lục hợp đồng, văn bản có liên quan được ký kết giữa cơ quan ký kết hợp đồng với nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP theo quy định tại Điều 55 của Luật PPP.

b) Quy định cụ thể quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên đối với các vấn đề pháp luật Việt Nam không có quy định.

30. Giải quyết tranh chấp

Cơ chế giải quyết tranh chấp giữa các bên tham gia hợp đồng dự án và tranh chấp giữa doanh nghiệp dự án với các tổ chức kinh tế tham gia thực hiện dự án theo quy định tại Điều 97 của Luật PPP.

31. Chấm dứt, thanh lý hợp đồng

a) Trình tự, thủ tục, thời điểm thực hiện thỏa thuận chấm dứt hợp đồng theo đúng thời hạn.

b) Trình tự, thủ tục thực hiện thỏa thuận thanh lý hợp đồng.

c) Quyền, nghĩa vụ của các bên ký kết khi chấm dứt, thanh lý hợp đồng.

32. Các quy định khác

Các nội dung khác do các bên thỏa thuận.